

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21 /2025/HNGĐ - ST

Ngày: 30/9/2025

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Dũng

2. Ông Khổng Đăng Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hoàng Diệp - Thư ký TAND khu vực 2, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Tiến Hoài - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXX - ST ngày 15/9/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Bích N, sinh năm 2002

Nơi ĐKKHKT: Khu 13, xã Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

Chỗ ở hiện nay: H, K, tỉnh Ibarakiken, Nhật Bản

Người đại diện theo ủy quyền của chị N: Anh Trần Đức M, sinh năm 2000

Địa chỉ: KDC P, phường P, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

Bị đơn: Anh Hà Đức T, sinh năm 1998

Nơi ĐKKHKT: Khu A, xã L, tỉnh Phú Thọ

Chỗ ở hiện nay: 203 B Haitsu I, 2 S, thành phố I, tỉnh Gunma, Nhật Bản

(Chị N, anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đỗ Thị Bích N và bị đơn anh Hà Đức T đều trình bày tại bản tự khai như sau:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn Đỗ Thị Bích N trình bày:

Chị Đỗ Thị Bích N và anh Hà Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 16/12/2021 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện L nay là xã L, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng

về quan điểm sống, không hạnh phúc. Đến năm 2023 hai vợ chồng đều đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản để phát triển kinh tế. Nhưng do khoảng cách địa lý hai vợ chồng cách xa nhau, cùng với mâu thuẫn trước đó nên tình cảm không thể hàn gắn. Nay nhận thấy hôn nhân đã rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân trên thực tế không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn anh T.

+ Về con chung: Không có nên không đề nghị giải quyết.

+ Về tài sản chung, về tài sản, công sức đóng góp: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phía anh Hà Đức T có ý kiến như sau: Vợ chồng anh T chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 16/12/2021 tại UBND thị trấn H, huyện L cũ nay là xã L, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chúng tôi chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2023 vợ chồng anh chị cùng đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản để phát triển kinh tế gia đình. Nhưng do khoảng cách địa lý hai vợ chồng ở xa nhau, cũng như mâu thuẫn vợ chồng từ trước nên tình cảm không thể hàn gắn được. Nay chị Đỗ Thị Bích N làm đơn xin ly hôn anh T đồng ý.

+ Về con chung: Không có nên không đề nghị giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: anh T Không đề nghị giải quyết.

- Ngoài ra anh T và chị N trình bày do hiện tại anh chị đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản nên không thể có mặt tại Việt Nam trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc. Do đó, anh chị đề nghị TAND khu vực 2 giải quyết vụ án ly hôn vắng mặt trong quá trình làm việc, phiên tòa, phiên họp giải quyết vụ việc. Và có văn bản ủy quyền cho anh Trần Đức M, số căn cước công dân 025200010094 ở phường P, tỉnh Phú Thọ để nhận toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt.

Tại các bản tự khai của nguyên đơn đã được công chứng chứng thực tại văn phòng C. Tại biên bản ghi lời khai của Nguyên đơn đã được xác nhận của Đ tại Nhật bản.

Ngoài ra anh T và chị N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do chị N và anh T đều đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, anh chị đều có bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Phú Thọ không tiến hành hòa giải được vụ án. Tất cả các bản tự khai của nguyên đơn và bị đơn đều được Đ tại Nhật bản xác nhận.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 55, Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 207, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 35, khoản 4 Điều 36 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 01 tháng 7 năm 2025; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị N và anh T.
- Về con chung: Không có nên không đề nghị giải quyết.
- Về án phí: Đây là vụ án thuộc trường hợp cả hai bên thuận tình ly hôn nên mỗi bên đương sự phải chịu một 1/2 tiền án phí sơ thẩm. Tuy nhiên chị N xin chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa chị N và anh T là tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài. Nguyên đơn, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Khu A, xã L, tỉnh Phú Thọ. Chỗ ở hiện tại: Hasaki 9237-8, Kamisushi, tỉnh Ibarakiken, Nhật Bản. Nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2, đúng quy định tại Điều 28, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 35, Khoản 4 Điều 36 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025.

Về sự vắng mặt của chị Đỗ Thị Bích N và anh Hà Đức T tại phiên tòa:

Tại thủ tục khởi kiện ban đầu, chị N và anh T đều có lời khai trình bày quan điểm và có đơn xin xét xử vắng mặt có xác nhận của đại sứ quán nước C1 tại Nhật Bản do hiện nay chị N và anh T đều đang sinh sống, làm việc tại Nhật Bản. Chị N có văn bản ủy quyền và anh T trình bày tại bản tự khai: Anh chị đều ủy quyền cho anh Trần Đức M thay anh chị nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX đưa vụ án ra xét xử án vắng mặt chị N, anh T là phù hợp quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Đỗ Thị Bích N và anh Hà Đức T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H (cũ) nay là xã L, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn hai anh chị có cuộc sống hôn

nhân hạnh phúc. Đây là cuộc hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, phù hợp với các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã. Sau đó cả hai anh chị đều đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản nhưng do khoảng cách ở xa nhau, lại thêm mâu thuẫn từ trước nên cuộc sống hôn nhân ngày càng trầm trọng. Nay tình cảm không còn, không ai quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh chị đã thống nhất đồng ý ly hôn, nhưng do công việc làm ăn xa nên vắng mặt tại các phiên hòa giải, có đơn xét xử vắng mặt. Xét thấy cuộc sống chung giữa chị N và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời anh chị cũng nhất trí ly hôn nên cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị N và anh T là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị N và anh T đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra giải quyết là phù hợp.

[4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N và anh T đều có quan điểm thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa, vì vậy mỗi bên phải chịu 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm. Vì vậy, Chị N và anh T mỗi bên phải chịu 75.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Đỗ Thị Bích N tự nguyện chịu toàn bộ án phí. Xác nhận chị N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000006406224 ngày 09/9/2025 tại thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả cho chị N 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 55, Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 207, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 35, khoản 4 Điều 36 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 01 tháng 7 năm 2025; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị Bích N được ly hôn anh Hà Đức T.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Bích N tự nguyện chịu toàn bộ án phí là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận chị N đã nộp là 300.000đ

(Ba trăm nghìn đồng) theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000006406224 ngày 09/9/2025 tại thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả cho chị N 150.000 đ(một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 2;
- VKSND tỉnh;
- Phòng giám đốc, kiểm tra, thanh tra và Thi thành án);
- Các đương sự
- Phòng THADS khu vực 2;
- UBND xã Lâm Thao;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Ngọc Hà

